BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LƯU HỒNG VÂN

TỈNH ỦY KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người hướng dẫn chính: **PGS, TS. Nguyễn Duy Bắc**

Người hướng dẫn phụ: **TS. Nguyễn Thị Thu Thủy**

Phản biện 1: ……

Phản biện 2: ……

Phản biện 3: ……

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chính sách xã hội là bộ phận quan trọng trong đường lối lãnh đạo của Đảng, thể hiện quan điểm phát triển vì con người. Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng; Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24-11-2023 định hướng xây dựng hệ thống chính sách xã hội toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, nguồn lực và mục tiêu của phát triển.

Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục nhấn mạnh phát triển nhanh gắn với bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân; đồng thời thích ứng với già hóa dân số, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Các nghị quyết mới của Bộ Chính trị về giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục đặt ra yêu cầu phát triển con người toàn diện và nâng cao chất lượng thực hiện chính sách xã hội.

Trong điều kiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao hiệu quả quản trị địa phương, cấp ủy và chính quyền cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội. Những biến động về việc làm, thu nhập, dân cư, thiên tai và dịch bệnh đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực dự báo, phối hợp và điều phối nguồn lực.

Đối với Khánh Hòa, Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28-01-2022 xác định mục tiêu xây dựng tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là cực tăng trưởng của khu vực và cả nước, nơi người dân có mức sống cao, hiền hòa, hạnh phúc. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh có diện tích trên 8.555 km², dân số khoảng 2,24 triệu người, với 65 xã, phường và đặc khu. Không gian phát triển mở rộng, nhưng sự khác biệt giữa các vùng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội theo hướng đồng bộ, bao trùm và phù hợp từng địa bàn.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã quan tâm lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội, góp phần cải thiện đời sống Nhân dân. Tuy nhiên, việc làm, thu nhập, sinh kế của một bộ phận người dân còn thiếu ổn định; chênh lệch về điều kiện sống và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội chậm được thu hẹp. Trong lãnh đạo của Tỉnh ủy, mục tiêu, nhiệm vụ có mặt chưa cụ thể; lãnh đạo chính quyền cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có lúc thiếu đồng bộ; tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, tổng kết thực tiễn còn hạn chế. Bối cảnh sau hợp nhất, vận hành chính quyền hai cấp và mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đòi hỏi tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, bảo đảm mỗi người dân có cơ hội tiếp cận, thụ hưởng công bằng thành quả phát triển.

Xuất phát từ các lý do trên, việc nghiên cứu đề tài ***"Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội hiện nay"*** có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội hiện nay, luận án đánh giá đúng thực trạng, phân tích nguyên nhân và rút ra một số kinh nghiệm, xác định phương hướng và đề xuất các giải pháp khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội đến năm 2035.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, khái quát những nội dung luận án có thể kế thừa và xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội, xây dựng khung lý thuyết làm cơ sở cho việc khảo sát và đánh giá thực trạng.

- Đánh giá thực trạng Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội từ năm 2012 đến nay; chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và đúc rút một số kinh nghiệm.

- Dự báo những yếu tố tác động; đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội đến năm 2035.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với việc thực hiện chính sách xã hội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

Phạm vi về không gian: Trước hợp nhất, luận án nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa cũ; từ ngày 01-7-2025, luận án nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa mới (gồm tỉnh Khánh Hòa cũ và tỉnh Ninh Thuận).

Phạm vi về thời gian: Luận án nghiên cứu thực trạng Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội từ năm 2012 đến nay. Các phương hướng và giải pháp được đề xuất đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở lý luận là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng, về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, về chính sách xã hội và thực hiện chính sách xã hội.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Thực trạng lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội; các báo cáo sơ kết, tổng kết, văn kiện của Trung ương, của Tỉnh ủy Khánh Hòa, các

sở, ban, ngành và kết quả khảo sát, điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu do nghiên cứu sinh thực hiện.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin và các phương pháp: lịch sử và lôgic; phân tích và tổng hợp; quy nạp và diễn dịch; nghiên cứu tài liệu; thống kê và so sánh; điều tra xã hội học; tổng kết thực tiễn. Khảo sát tháng 7-2026 gồm 350 phiếu cán bộ và 1.089 phiếu người dân hợp lệ tại 22 xã, phường; chọn mẫu người dân theo phân tầng kết hợp chọn điểm, hạn ngạch ở bốn khu vực cư trú; dữ liệu được xử lý bằng SPSS 26.0.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần làm rõ cơ sở lý luận về nội dung, phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện chính sách xã hội; cung cấp luận cứ phục vụ đổi mới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa và tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

6. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Thứ nhất, xây dựng và luận giải khái niệm "Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội"; làm rõ chủ thể, đối tượng, mục tiêu, nội dung, phương thức và vai trò của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội.

Thứ hai, đúc rút các kinh nghiệm từ quá trình Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội, nổi bật là kinh nghiệm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm; tăng cường phối hợp, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và vai trò chủ thể của Nhân dân.

Thứ ba, đề xuất hai giải pháp có tính đột phá: (1) tập trung lãnh đạo giải quyết các "điểm nghẽn" xã hội, trọng tâm là việc làm, thu nhập, sinh kế bền vững; (2) tăng cường tuyên truyền, đối thoại, tạo đồng thuận xã hội và đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hiện chính sách xã hội.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương 10 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chính sách xã hội và thực hiện chính sách xã hội

Joe C. B. Leung và Yuebin Xu (2015), *China's Social Welfare: The Third Turning Point (Phúc lợi xã hội của Trung Quốc: Bước ngoặt thứ ba)*, Polity Press, Cambridge.

Soo Ann Lee và Jiwei Qian (2017), *The Evolving Singaporean Welfare State (Nhà nước phúc lợi Singapore đang biến đổi)*, Social Policy & Administration, 51(6), tr. 916-939.

World Food Programme (WFP) (2019), *Lao PDR Case Study: Strengthening the Capacity of ASEAN Member States to Design and Implement Risk-Informed and Shock-Responsive Social Protection Systems for Resilience (Nghiên cứu trường hợp Lào: Tăng cường năng lực thiết kế và thực hiện hệ thống bảo trợ xã hội dựa trên rủi ro và có khả năng ứng phó với các cú sốc)*, WFP, Rome.

Fritz Sager và Anat Gofen (2022), *The Polity of Implementation: Organizational and Institutional Arrangements in Policy Implementation (Thể chế của quá trình thực hiện: Các sắp xếp tổ chức và thể chế trong thực hiện chính sách)*, Governance, 35(2), tr. 347-364.

Carmen Jacqueline Ho, Daniel Béland, Dragana Bodruzic, Shih-Jiunn Shi và Zainab Nizar (2022), *Social Policies in Democratic and Authoritarian Regimes: Comparing the Introduction and Implementation of the National Rural Employment Guarantee in India and Dibao in China (Chính sách xã hội trong các chế độ dân chủ và chuyên chế: So sánh sự hình thành và thực hiện Chương trình bảo đảm việc làm nông thôn quốc gia ở Ấn Độ và Dibao ở Trung Quốc)*, Journal of International and Comparative Social Policy, 38(3), tr. 241-253.

Gianluca Busilacchi, Marina De Angelis và Matteo Luppi (2025), *Implementation Arrangements and Policy Success in Active Social Policies: Evidence from Italy's Minimum Income Scheme (Sắp xếp thực hiện và thành công chính sách trong các chính sách xã hội chủ động: Bằng chứng từ chương trình thu nhập tối thiểu của Italia)*, Journal of International and Comparative Social Policy, 41(3), tr. 277-315.

Ricardo Velázquez Leyer, Viviana Ramírez, Gibrán Cruz-Martínez và Theodoros Papadopoulos (2025), *Current Trends, Persistent Challenges, and Emerging Opportunities of Social Policy Implementation in Latin America and Southern Europe (Những xu hướng hiện nay, thách thức dai dẳng và cơ hội mới nổi của thực hiện chính sách xã hội ở Mỹ Latinh và Nam Âu)*, Journal of International and Comparative Social Policy, 41(3), tr. 185-200.

Kinglun Ngok (2026), *Pursuing Common Prosperity: China's Social Policies in the Twenty-First Century (Theo đuổi thịnh vượng chung: Chính sách xã hội của Trung Quốc trong thế kỷ XXI)*, trong *The Oxford Handbook of Social Policies in the Global South*, Oxford University Press, Oxford, tr. 742-756.

Tanja Klenk và Lihi Lahat (chủ biên) (2026), *Handbook of Social Policy Implementation (Cẩm nang về thực hiện chính sách xã hội)*, Edward Elgar Publishing, Cheltenham.

T. Frangioni và S. Volturo (2026), *Organising Changes: The Institutional Work Behind the Implementation of a Minimum Income Scheme (Tổ chức sự thay đổi: Công việc thể chế phía sau việc thực hiện chính sách thu nhập tối thiểu)*, Social Policy & Administration, 60(4), tr. 596-605.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đảng chính trị cầm quyền và các tổ chức của đảng lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội

Candelaria Garay (2016), *Social Policy Expansion in Latin America (Mở rộng chính sách xã hội ở Mỹ Latinh)*, Cambridge University Press, Cambridge.

Jorge I. Domínguez, María del Carmen Zabala Argüelles, Mayra Espina Prieto và Lorena G. Barberia (chủ biên) (2017), *Social Policies and Decentralization in Cuba: Change in the Context of 21st-Century Latin America (Chính sách xã hội và phân cấp ở Cuba: Những thay đổi trong bối cảnh Mỹ Latinh thế kỷ XXI)*, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts.

Kwon Soonmee (2018), *From a Developmentalist Welfare State to a Social Investment State: A Case Study of Japan (Từ nhà nước phúc lợi phát triển sang nhà nước đầu tư xã hội: Trường hợp Nhật Bản)*, Korea Social Policy Review, 25(1), tr. 231-257.

Sara Niedzwiecki (2018), *Uneven Social Policies: The Politics of Subnational Variation in Latin America (Chính sách xã hội không đồng đều: Chính trị của sự khác biệt cấp địa phương ở Mỹ Latinh)*, Cambridge University Press, Cambridge.

Rik van Berkel (2020), *Making Welfare Conditional: A Street-Level Perspective (Thực hiện chính sách phúc lợi có điều kiện: Tiếp cận từ cấp độ thực thi)*, Social Policy & Administration, 54(2), tr. 191-204.

Jiwei Qian (2021), *Policy Implementation in the Decentralization Welfare Regime (Thực hiện chính sách trong chế độ phúc lợi phân quyền)*, trong *The Political Economy of Making and Implementing Social Policy in China*, Palgrave Macmillan, Singapore.

Kerry E. Ratigan (2022), *Local Politics and Social Policy in China: Let Some Get Healthy First (Chính trị địa phương và chính sách xã hội ở Trung Quốc: Hãy để một số nơi khỏe mạnh trước)*, Cambridge University Press, Cambridge.

Xian Huang (2023), *Welfare Policy at the Local Level (Chính sách phúc lợi ở cấp địa phương)*, trong *Handbook on Local Governance in China: Structures, Variations, and Innovations*, Edward Elgar Publishing, Cheltenham.

Bingqin Li (2026), *Social Stability through Responsive Social Policy (Ổn định xã hội thông qua chính sách xã hội có tính đáp ứng)*, trong *The Communist Party of China: Understanding the Durability of the World's Most Powerful Political Organization*, Cambridge University Press, Cambridge, tr. 242-262.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chính sách xã hội và thực hiện chính sách xã hội

Mai Ngọc Cường (2013), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Lê Quốc Lý (chủ biên) (2014), *Chính sách an sinh xã hội - Thực trạng và giải pháp,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Bùi Sỹ Lợi (chủ biên) (2020), *Nâng cao hiệu quả giám sát của cơ quan dân cử đối với việc thực thi chính sách, pháp luật về an sinh xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Vi Thị Lại (2020), *Thực hiện chính sách xã hội ở các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phạm Văn Linh (2023), *Về chính sách xã hội ở Việt Nam trong hơn nửa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, thực tiễn và những vấn đề đặt ra*, Trang thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương.

Bùi Sỹ Lợi (2024), *Nhận diện các vấn đề cần ưu tiên trong chính sách xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Hồ Sỹ Ngọc (2024), *Chính sách xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Phạm Quang Minh, Detlef Briesen và Nguyễn Thị Thùy Trang (2024), *Thực hiện chính sách ở Việt Nam - Báo cáo Quốc gia số 7*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

Nguyễn Khắc Trung (2025), *Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng Cộng sản Việt Nam, cấp ủy đảng lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội

Nguyễn Thị Thanh (2011), *Đảng lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đinh Xuân Lý (2011), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong 25 năm đổi mới (1986-2011)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Phạm Văn Hồ (2012), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội ở Tây Nguyên từ năm 1996 đến năm 2006*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Nguyễn Thị Mai Chi (2014), *Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội ở các huyện miền núi từ năm 2001 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Phạm Đức Kiên (2017), *Đảng lãnh đạo kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội từ năm 1991 đến nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Lê Văn Minh (2025), *Đảng bộ tỉnh Bình Định lãnh đạo thực hiện an sinh xã hội từ năm 2010 đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

Đỗ Văn Đờ La Guôl (2026), *Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lãnh đạo thực hiện chính sách an sinh xã hội từ năm 2010 đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Nguyễn Thị Luyến (2026), *Thực hiện chính sách xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh đối với người lao động ở các tỉnh Tây Bắc hiện nay*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các công trình trong và ngoài nước đã làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn về chính sách xã hội, thực hiện chính sách xã hội và vai trò của chủ thể lãnh đạo; cho thấy chính sách xã hội ngày càng được tiếp cận toàn diện, gắn với phát triển con người, công bằng và ổn định xã hội. Thực hiện chính sách xã hội là quá trình nhiều chủ thể tham gia, chịu tác động của thể chế, nguồn lực, bộ máy, phối hợp, dữ liệu và giám sát; đánh giá ngày càng chú trọng kết quả thực tế đối với người dân.

Các nghiên cứu còn khác nhau về nội hàm CSXH; lý luận về tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện CSXH chủ yếu được tiếp cận ở từng phương diện. Cơ chế phân định, phối hợp giữa lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền và sự tham gia của các lực lượng còn những khía cạnh cần làm rõ; yêu cầu về chuyển đổi số, già hóa dân số, đô thị hóa và chính quyền hai cấp cần tiếp tục cập nhật. Chưa có nghiên cứu toàn diện về Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện CSXH trong bối cảnh hiện nay**,** nhất là sau hợp nhất tỉnh.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Một là, làm rõ các khái niệm công cụ về CSXH, thực hiện CSXH, Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện CSXH và biện pháp thực hiện; phân định nội dung, phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy với nội dung, biện pháp quản lý và tổ chức thực hiện của chính quyền.

Hai là, xây dựng khung lý luận về tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện CSXH; làm rõ sự gắn kết giữa nội dung, phương thức lãnh đạo và giữa lãnh đạo thống nhất với phân cấp, phân quyền, trách nhiệm cơ sở, phù hợp từng địa bàn, nhóm đối tượng.

Ba là, làm rõ cơ chế Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH và huy động doanh nghiệp, cộng đồng, Nhân dân tham gia; phân định trách nhiệm,

phối hợp giữa các chủ thể và phân biệt kết quả lãnh đạo với kết quả quản lý, tổ chức thực hiện CSXH.

Bốn là, khảo sát, đánh giá thực trạng Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện CSXH từ năm 2012 đến nay; chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và kinh nghiệm.

Năm là, dự báo các yếu tố tác động, xác định phương hướng và đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện CSXH đến năm 2035.

Chương 2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HIỆN NAY

2.1. KHÁI QUÁT VỀ TỈNH KHÁNH HÒA, ĐẢNG BỘ TỈNH, TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

2.1.1. Khái quát về tỉnh Khánh Hòa

Sau năm 1975, Khánh Hòa và Phú Yên hợp nhất thành tỉnh Phú Khánh; tháng 7-1989, tỉnh Khánh Hòa được tái lập. Trước tháng 7-2025, tỉnh có 09 đơn vị hành chính cấp huyện và 132 đơn vị hành chính cấp xã.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, tỉnh Khánh Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận. Sau hợp nhất, tỉnh có diện tích 8.555,86 km², dân số 2.243.554 người, gồm 65 đơn vị hành chính cấp xã: 48 xã, 16 phường và đặc khu Trường Sa; trung tâm chính trị - hành chính đặt tại Nha Trang.

2.1.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

Sau hợp nhất, tỉnh có bờ biển gần 500 km, hơn 200 đảo và quần đảo Trường Sa; địa hình đa dạng từ núi, trung du, đồng bằng ven biển đến hải đảo. Hệ thống vịnh và tài nguyên rừng, biển, khoáng sản tạo điều kiện phát triển cảng biển, logistics, công nghiệp, du lịch, thủy sản và kinh tế xanh. Khí hậu tương đối thuận lợi cho sản xuất, du lịch nhưng hạn hán, xâm nhập mặn, thiên tai và biến đổi khí hậu vẫn tác động đến đời sống, nhất là khu vực ven biển và phía Nam.

2.1.1.2. Đặc điểm hệ thống chính trị

Từ ngày 01-7-2025, tỉnh vận hành chính quyền địa phương hai cấp, kết thúc cấp huyện. Tỉnh có 65 đơn vị hành chính cấp xã; UBND tỉnh có 13 sở, ngành trực thuộc. Cấp xã có 192 phòng chuyên môn, 64 trung tâm phục vụ hành chính công; toàn tỉnh có 880 thôn, tổ dân phố. Mạng lưới này trực tiếp nắm nhu cầu, rà soát đối tượng, tuyên truyền, vận động và giám sát thực hiện CSXH, đặt ra yêu cầu rõ trách nhiệm, nguồn lực và năng lực cơ sở.

2.1.1.3. Đặc điểm kinh tế

Không gian phát triển gắn với Vân Phong về công nghiệp, cảng biển, logistics; Nha Trang về du lịch, dịch vụ; Cam Ranh - Cam Lâm về hàng không, đô thị; phía Nam về năng lượng, nông nghiệp đặc thù. GRDP 9 tháng năm 2026 tăng 11,09%, thu ngân sách đạt 36.170 tỷ đồng. Tăng trưởng mở rộng nguồn lực CSXH, đồng thời đặt ra yêu cầu chuyển đổi nghề và ổn định sinh kế.

2.1.1.4. Đặc điểm xã hội và dân cư

Tỉnh có 35 dân tộc, dân cư phân bố không đều; điều kiện sống và khả năng tiếp cận dịch vụ giữa đô thị, nông thôn, miền núi, ven biển, hải đảo còn chênh lệch. Năm 2025, lao động qua đào tạo đạt khoảng 81%, có bằng cấp, chứng chỉ 32,8%; tỷ lệ tham gia BHXH 35%, BHTN 28%; bao phủ BHYT khoảng 96,1%, có 12,1 bác sĩ và 37 giường bệnh/10.000 dân. Thực hiện CSXH phải phù hợp từng địa bàn, dân tộc và nhóm dân cư.

2.1.1.5. Đặc điểm quốc phòng, an ninh

Khánh Hòa có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh và đối ngoại; có đường bờ biển dài, quần đảo Trường Sa và các vịnh biển quan trọng, trong đó vịnh Cam Ranh có ý nghĩa chiến lược. Do đó, thực hiện chính sách xã hội phải gắn với chính sách đối với người có công, lực lượng vũ trang, ngư dân, cư dân ven biển, hải đảo; bảo đảm sinh kế, dịch vụ thiết yếu, phòng chống thiên tai và ổn định đời sống trên các địa bàn chiến lược.

2.1.2. Khái quát về Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa

Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thành lập ngày 24-02-1930, lãnh đạo Nhân dân đấu tranh cách mạng; ngày 02-4-1975, tỉnh được giải phóng. Tháng 10-1975, Đảng bộ Phú Khánh thành lập trên cơ sở hợp nhất Khánh Hòa và Phú Yên; tháng 7-1989, Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa được thành lập lại.

Trước tháng 7-2025, Đảng bộ tỉnh có 13 đảng bộ trực thuộc, 681 tổ chức cơ sở đảng và 51.182 đảng viên. Sau hợp nhất, đến tháng 3-2026 có 872 tổ chức cơ sở đảng, 75.783 đảng viên. Từ ngày 01-9-2026, thí điểm thành lập Đảng bộ HĐND tỉnh và Đảng bộ MTTQ, các đoàn thể CT-XH tỉnh. Tỉnh ủy Khánh Hòa hiện có 70 đảng bộ trực thuộc, gồm: 64 đảng bộ xã, phường và 06 đảng bộ cơ quan là Đảng bộ các cơ quan Đảng, Đảng bộ UBND, Đảng bộ HĐND, Đảng bộ MTTQ, các đoàn thể CT-XH, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh.

2.1.3. Tỉnh ủy Khánh Hòa - Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, số lượng, cơ cấu, mối quan hệ công tác và vai trò

2.1.3.1. Khái niệm

Tỉnh ủy Khánh Hòa là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, có nhiệm kỳ 5 năm, do đại hội bầu hoặc Bộ Chính trị chỉ định; chịu trách

nhiệm trước Trung ương, Đảng bộ và Nhân dân về cụ thể hóa, lãnh đạo thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết đại hội. Tỉnh ủy quyết định những vấn đề chiến lược, chủ trương lớn của tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề liên quan.

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tỉnh ủy Khánh Hòa

Theo Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13-6-2025 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Khánh Hòa có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Đảng bộ tỉnh.

Các nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu gồm: cụ thể hóa nghị quyết, chủ trương của Trung ương và của Đảng bộ tỉnh; xây dựng chương trình công tác, kiểm tra, giám sát; lãnh đạo xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và công tác cán bộ; lãnh đạo kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; lãnh đạo công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và thực hiện dân chủ ở cơ sở; lãnh đạo chính quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; quyết định hoặc cho chủ trương đối với các vấn đề chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

2.1.3.3. Số lượng, cơ cấu Tỉnh ủy viên và các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy Khánh Hòa

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các nhiệm kỳ 2010-2015, 2015-2020, 2020-2025 lần lượt có 55, 53, 51 ủy viên. Nhiệm kỳ 2025-2030, Bộ Chính trị chỉ định 54 ủy viên; đến tháng 7-2026 kiện toàn lên 63 ủy viên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 16 ủy viên; Thường trực Tỉnh ủy có 05 thành viên; Ủy ban Kiểm tra có 11 ủy viên. Tỉnh ủy viên nữ chiếm 19,05%; người DTTS chiếm 6,35%; trình độ thạc sĩ chiếm 73,02%, tiến sĩ và bác sĩ chuyên khoa II chiếm 9,52%. Khối Đảng, MTTQ, đoàn thể CT-XH có 30 Tỉnh ủy viên (trong đó có 11 bí thư xã, phường); khối chính quyền 27 Tỉnh ủy viên; cơ quan ngành dọc Trung ương 03 Tỉnh ủy viên; lực lượng vũ trang 03 Tỉnh ủy viên.

Tỉnh ủy có 05 cơ quan tham mưu, giúp việc là: Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Nội chính, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra; 02 đơn vị sự nghiệp gồm: Trường Chính trị tỉnh; Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa. Các cơ quan, đơn vị góp phần tham mưu, đào tạo cán bộ, thông tin, tuyên truyền phục vụ lãnh đạo thực hiện CSXH.

2.1.3.4. Mối quan hệ công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy Khánh Hòa

Tỉnh ủy chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương; phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương, các cấp ủy và cơ quan, tổ chức trực thuộc Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ.

Tỉnh ủy, BTVTU, TTTU lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc; Trường Chính trị; Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa; các cấp ủy cấp xã và đảng ủy trực thuộc.

Tỉnh ủy lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh thông qua Đảng ủy HĐND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh; lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thông qua Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, định hướng chủ trương và quyết định quan trọng theo thẩm quyền.

BTVTU, TTTU định hướng chính trị, cho ý kiến về các vấn đề trọng yếu đối với Tòa án, Viện Kiểm sát, MTTQ và các tổ chức CT-XH; đồng thời lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

2.1.3.5. Vai trò của Tỉnh ủy Khánh Hòa

Thứ nhất, lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, thống nhất các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

Thứ hai, định hướng phát triển; quyết định hoặc cho chủ trương những vấn đề chiến lược, quan trọng; lãnh đạo chính quyền cụ thể hóa và tổ chức thực hiện.

Thứ ba, xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; kiện toàn bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ.

Thứ tư, củng cố quan hệ Đảng với Nhân dân, phát huy dân chủ, khối đại đoàn kết và sự tham gia của Nhân dân.

Thứ năm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; lãnh đạo kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Thứ sáu, bảo đảm thực hiện thống nhất chủ trương Trung ương; tổng hợp thực tiễn, báo cáo, đề xuất, kiến nghị những vấn đề thuộc thẩm quyền Trung ương.

2.2. CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở TỈNH KHÁNH HÒA

2.2.1. Chính sách xã hội - Khái niệm, phân loại, vai trò

2.2.1.1. Khái niệm chính sách xã hội

Chính sách xã hội là hệ thống chủ trương, mục tiêu, cơ chế và giải pháp do Đảng định hướng, được Nhà nước thể chế hóa và ban hành nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, phát triển con người toàn diện, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, góp phần bảo đảm ổn định và phát triển bền vững đất nước trong từng giai đoạn.

2.2.1.2. Phân loại chính sách xã hội ở tỉnh Khánh Hòa

CSXH ở Khánh Hòa được phân loại theo đối tượng, thẩm quyền ban hành và lĩnh vực điều chỉnh. Các nhóm chủ yếu gồm: việc làm, thu nhập; BHXH, BHYT, BHTN; giảm nghèo, trợ giúp xã hội; giáo dục, y tế, nhà ở, dịch vụ cơ bản; người có công, nhóm yếu thế; văn hóa, gia đình và môi trường xã hội lành mạnh.

Các nhóm chính sách này hướng đến người có công, người lao động, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các nhóm dễ bị

tổn thương; đồng thời được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện từng địa bàn và mục tiêu phát triển của tỉnh.

2.2.1.3. Vai trò của chính sách xã hội ở tỉnh Khánh Hòa

Vai trò bao trùm của CSXH là thể hiện tính ưu việt của chế độ XHCN, lấy con người làm trung tâm, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Các vai trò cụ thể gồm: nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp chênh lệch; phát triển nguồn nhân lực; hài hòa lợi ích, củng cố đồng thuận và ổn định xã hội; phòng ngừa, chia sẻ rủi ro, nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh; thúc đẩy quản trị đô thị hiện đại, bao trùm và thích ứng.

2.2.2. Thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Khánh Hòa - Khái niệm, nội dung, biện pháp thực hiện và đặc điểm

2.2.2.1. Khái niệm thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Khánh Hòa là quá trình các cơ quan nhà nước, MTTQ, các tổ chức CT-XH, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân căn cứ vào chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Đại hội Đảng bộ tỉnh, của Tỉnh ủy để tổ chức triển khai đồng bộ các mục tiêu, cơ chế và giải pháp của chính sách xã hội vào thực tiễn; bảo đảm các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các chính sách và dịch vụ xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển bền vững của tỉnh Khánh Hòa.

2.2.2.2. Nội dung thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Khánh Hòa

Gồm 5 nội dung chủ yếu:

Thứ nhất, xây dựng mục tiêu, chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với chủ trương Trung ương và điều kiện địa phương.

Thứ hai, phổ biến chính sách, xác định đối tượng và nhu cầu thụ hưởng.

Thứ ba, bảo đảm nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất, dữ liệu và dịch vụ cần thiết.

Thứ tư, tổ chức cung cấp chế độ, hỗ trợ và dịch vụ xã hội đúng đối tượng, kịp thời, công khai.

Thứ năm, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, cấp tỉnh - cấp xã, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và các chủ thể liên quan.

2.2.2.3. Biện pháp thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Khánh Hòa

Các biện pháp chủ yếu gồm: biện pháp hành chính; biện pháp kinh tế; biện pháp tổ chức; biện pháp tuyên truyền, vận động; biện pháp kiểm tra, giám sát. Các biện pháp được thực hiện đồng bộ, bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch và phù hợp với từng địa bàn.

2.2.2.4. Đặc điểm thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Khánh Hòa

Thứ nhất, thực hiện chính sách xã hội phải bảo đảm thống nhất toàn tỉnh nhưng phù hợp với sự khác biệt giữa các địa bàn và yêu cầu xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương.

Thứ hai, nguồn lực được mở rộng nhờ tăng trưởng kinh tế nhưng phân bố chưa đồng đều và chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, biến động thị trường lao động.

Thứ ba, phối hợp liên ngành và đội ngũ cán bộ thực hiện CSXH còn khó khăn trong mô hình chính quyền hai cấp; khối lượng công việc tăng, cán bộ thiếu và chuyên môn chưa đồng đều.

Thứ tư, nguồn lực thực hiện đa dạng, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, doanh nghiệp và cộng đồng cùng tham gia.

Thứ năm, chuyển đổi số và dữ liệu xã hội ngày càng quan trọng nhưng mức độ liên thông dữ liệu và khả năng tiếp cận số giữa các địa bàn còn chênh lệch.

2.3. TỈNH ỦY KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ VAI TRÒ

2.3.1. Khái niệm Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội

Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội là tổng thể hoạt động cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội phù hợp với điều kiện địa phương; định hướng, lãnh đạo và phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện chính sách xã hội; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết nhằm bảo đảm chính sách xã hội được triển khai thống nhất, hiệu quả, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân và thúc đẩy tỉnh Khánh Hòa phát triển bền vững.

Chủ thể lãnh đạo là Tỉnh ủy; Ban Thường vụ lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, Thường trực xử lý công việc hằng ngày theo thẩm quyền. ***Đối tượng lãnh đạo*** là các cấp ủy, tổ chức đảng trong hệ thống chính trị, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên; các lực lượng xã hội được tuyên truyền, vận động, huy động tham gia. ***Mục tiêu*** là thực hiện CSXH thống nhất, hiệu quả, nâng cao đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

2.3.2. Nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội

2.3.2.1. Lãnh đạo xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện chính sách xã hội phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng và điều kiện thực tiễn của tỉnh Khánh Hòa

Tỉnh ủy quán triệt chủ trương của Trung ương, đánh giá thực tiễn, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và chương trình phù hợp với điều kiện Khánh Hòa; chú trọng việc làm, thu nhập, giáo dục, y tế, giảm nghèo, an sinh cho vùng khó khăn và chủ động

ứng phó các vấn đề mới. Việc xác định chủ trương phải dựa trên khảo sát, tổng kết thực tiễn, dự báo và phát huy dân chủ.

2.3.2.2. Lãnh đạo chính quyền cụ thể hóa nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy thành chương trình, kế hoạch thực hiện chính sách xã hội và tổ chức thực hiện

Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền thể chế hóa nghị quyết thành các chương trình, kế hoạch, đề án và quyết định quản lý; phân công trách nhiệm, bảo đảm nguồn lực, tổ chức thực hiện và xử lý những vấn đề phát sinh, nhưng không làm thay chức năng quản lý nhà nước. Hiệu quả thể hiện ở khả năng chuyển hóa kịp thời chủ trương thành kết quả thực tế.

2.3.2.3. Lãnh đạo phối hợp hoạt động giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các lực lượng liên quan trong thực hiện chính sách xã hội

Tỉnh ủy lãnh đạo xác định rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng xã hội; phát huy giám sát, phản biện xã hội, vận động Nhân dân và huy động nguồn lực ngoài nhà nước, bảo đảm phối hợp đồng bộ và hạn chế chồng chéo.

2.3.2.4. Lãnh đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ các cơ quan quản lý và tổ chức thực hiện chính sách xã hội

Tỉnh ủy lãnh đạo kiện toàn bộ máy, phân công trách nhiệm, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm; thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, sử dụng, kiểm tra cán bộ; đồng thời bảo đảm nguồn lực, cơ sở vật chất, hạ tầng số và dữ liệu phục vụ thực hiện chính sách xã hội.

2.3.2.5. Lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm việc thực hiện chính sách xã hội

Tỉnh ủy lãnh đạo đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; phát huy vai trò giám sát của HĐND, Mặt trận Tổ quốc và Nhân dân; sử dụng dữ liệu và phản hồi thực tiễn để điều chỉnh chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp.

2.3.3. Phương thức Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội

2.3.3.1. Lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình và kế hoạch

Tỉnh ủy lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình và kế hoạch nhằm cụ thể hóa chủ trương Trung ương, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm; chất lượng văn bản phải gắn với khảo sát thực tiễn, tính khả thi và cơ chế kiểm tra, giám sát.

2.3.3.2. Lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân

Thông qua quán triệt nghị quyết, báo chí, dân vận và đối thoại, Tỉnh ủy tạo thống nhất nhận thức, hành động trong cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên và Nhân dân;

thuyết phục HĐND cụ thể hóa chủ trương theo thẩm quyền, vận động MTTQ, đoàn thể, doanh nghiệp tham gia và tiếp nhận phản hồi để điều chỉnh chủ trương.

2.3.3.3. Lãnh đạo bằng công tác tổ chức, công tác cán bộ

Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, đánh giá và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; chú trọng đội ngũ làm chính sách xã hội có năng lực chuyên môn, quản trị, phối hợp liên ngành và chuyển đổi số.

2.3.3.4. Lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra xây dựng, thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát; kịp thời phòng ngừa, phát hiện, chấn chỉnh và xử lý vi phạm, qua đó giữ vững kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách xã hội.

2.3.3.5. Lãnh đạo bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên

Tỉnh ủy phát huy sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, đạo đức công vụ, tinh thần phục vụ Nhân dân theo Nghị quyết số 24-NQ/TW; đề cao tính tiên phong, chủ động, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; đánh giá bằng hành động và kết quả cụ thể.

2.3.4. Vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội

Thứ nhất, bảo đảm thực hiện chính sách xã hội đúng định hướng chính trị, thống nhất với Trung ương và phù hợp với thực tiễn Khánh Hòa.

Thứ hai, tạo sự thống nhất hành động, phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng liên quan.

Thứ ba, định hướng ưu tiên và lãnh đạo chính quyền huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực theo thẩm quyền, chú trọng lĩnh vực, địa bàn khó khăn.

Thứ tư, bảo đảm chính sách được thực hiện công bằng, đúng đối tượng, hướng mạnh về cơ sở và thu hẹp chênh lệch giữa các nhóm dân cư.

Thứ năm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phòng ngừa sai phạm và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách.

Thứ sáu, góp phần nâng cao hiệu quả xã hội của quá trình phát triển, củng cố đồng thuận, ổn định chính trị - xã hội, gắn phát triển với quốc phòng, an ninh và mục tiêu xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã khái quát đặc điểm tỉnh Khánh Hòa, Đảng bộ và Tỉnh ủy Khánh Hòa; làm rõ những yếu tố về không gian, dân cư, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và tổ chức hệ thống chính trị có tác động đến thực hiện chính sách xã hội.

Chương cũng làm rõ khái niệm, phân loại, vai trò của chính sách xã hội; khái

niệm, nội dung, biện pháp và đặc điểm thực hiện chính sách xã hội ở Khánh Hòa; đồng thời xác định khái niệm, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương thức và vai trò của Tỉnh ủy trong lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn để đánh giá thực trạng sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa ở Chương 3.

Chương 3
TỈNH ỦY KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG TỈNH ỦY KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Ưu điểm về nội dung lãnh đạo

Một là, Tỉnh ủy bám sát chủ trương của Đảng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp qua ba giai đoạn: 2012-2022; từ năm 2022 đến ngày 30-6-2025; từ ngày 01-7-2025 đến nay. Nội dung lãnh đạo chuyển từ trọng tâm bảo đảm an sinh sang toàn diện, bao trùm, gắn phát triển con người với mục tiêu thành phố trực thuộc Trung ương. Khảo sát có 94,6% cán bộ đánh giá cụ thể hóa chủ trương kịp thời.

Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền cụ thể hóa nghị quyết thành chương trình, kế hoạch tương đối đồng bộ. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 9,68% xuống 2,09% giai đoạn 2016-2020; từ 3,86% cuối năm 2021 xuống 1,26% cuối năm 2024 tại Khánh Hòa trước hợp nhất. Sau hợp nhất, chính sách giáo dục, bảo hiểm, tín dụng và trợ giúp xã hội tiếp tục được cụ thể hóa.

Ba là, Tỉnh ủy tăng cường phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH và lực lượng liên quan, huy động nguồn lực, tuyên truyền và giám sát; có 82,3% cán bộ khảo sát đánh giá sự phối hợp hiệu quả.

Bốn là, Tỉnh ủy quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí, đào tạo và nâng cao chất lượng cán bộ; sau hợp nhất, chú trọng tăng cường nhân lực cho cơ sở, đào tạo, bồi dưỡng và chuyển đổi số.

Năm là, Tỉnh ủy chú trọng sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và sử dụng kết quả thực tiễn để điều chỉnh chủ trương, từng bước chuyển trọng tâm từ đánh giá chỉ tiêu sang trách nhiệm, chất lượng phục vụ và sự hài lòng của Nhân dân.

3.1.1.2. Ưu điểm về phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận và chương trình hành động ngày càng linh hoạt, kế thừa, liên thông; chủ trương của Tỉnh ủy được chính quyền cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Hai là, tuyên truyền, vận động ngày càng đa dạng, kết hợp tuyên truyền chính trị, truyền thông, dân vận, đối thoại và vận động cộng đồng, góp phần tạo đồng thuận và mở rộng tiếp cận chính sách.

Ba là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ gắn với vị trí việc làm, đào tạo, điều động, luân chuyển và nâng cao năng lực thực thi; sau hợp nhất, tăng cường cán bộ cho cấp xã góp phần duy trì hoạt động, hạn chế gián đoạn chính sách.

Bốn là, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được tiến hành tương đối thường xuyên, có trọng tâm, góp phần phòng ngừa sai phạm, nâng cao trách nhiệm và bảo đảm chính sách được thực hiện đúng đối tượng, đúng quy định.

Năm là, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, từng bước được phát huy, gắn trách nhiệm chính trị với đạo đức công vụ và chất lượng phục vụ Nhân dân.

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1. Hạn chế về nội dung lãnh đạo

Một là, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có mặt chưa cụ thể theo từng địa bàn, nhóm dân cư và rủi ro; sự phân hóa giữa các vùng chưa rõ, chưa chú trọng đầy đủ sinh kế bền vững, phòng ngừa tái nghèo và thích ứng rủi ro.

Hai là, lãnh đạo cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có lúc chưa kịp thời, đồng bộ; một số chương trình chưa rõ sản phẩm, tiến độ, nguồn lực và trách nhiệm; phân cấp, phối hợp, cung ứng dịch vụ và giải quyết thủ tục còn chậm.

Ba là, lãnh đạo phối hợp giữa các chủ thể chưa thật sự nhịp nhàng; phân công, chia sẻ dữ liệu và trách nhiệm ở một số nơi chưa rõ; vai trò giám sát, phản biện và phản ánh nhu cầu chưa đồng đều.

Bốn là, lãnh đạo kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyên môn hóa; một số nơi thiếu cán bộ, còn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, năng lực tham mưu và phối hợp chưa đồng đều.

Năm là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết chưa gắn đầy đủ giữa đầu ra và tác động; còn thiên về tiến độ, số lượng, kinh phí, trong khi chất lượng thụ hưởng và tính bền vững của kết quả chưa được chú trọng đúng mức.

3.1.2.2. Hạn chế về phương thức lãnh đạo

Một là, việc lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết có lúc chưa thật sự kịp thời, linh hoạt, chưa gắn chặt với cơ chế kiểm soát kết quả.

Hai là, tuyên truyền, thuyết phục, vận động một số tổ chức và nhóm đối tượng chưa phù hợp; tương tác, phản hồi còn hạn chế. Có 69,6% người dân chọn thông tin chính sách chưa đầy đủ hoặc khó hiểu là một trong những hạn chế cần khắc phục.

Ba là, việc kiện toàn tổ chức, bố trí và sử dụng cán bộ thực hiện CSXH còn có mặt chưa đồng bộ, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ.

Bốn là, kiểm tra, giám sát trách nhiệm lãnh đạo thực hiện CSXH có mặt chưa toàn diện, kịp thời, chuyên sâu; việc gắn với kết quả thụ hưởng và theo dõi khắc phục sau kiểm tra còn hạn chế.

Năm là, vai trò của một số cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và người đứng đầu chưa được phát huy đầy đủ, đồng đều; trách nhiệm nêu gương và việc gắn trách nhiệm với kết quả chính sách còn hạn chế.

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, hệ thống chủ trương, chính sách của Trung ương ngày càng hoàn thiện, tạo cơ sở chính trị, pháp lý thuận lợi cho Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội.

Hai là, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống chính trị, truyền thống đoàn kết và nguồn lực xã hội tạo nền tảng cho thực hiện chính sách.

Ba là, nhận thức và quyết tâm chính trị của Tỉnh ủy ngày càng đầy đủ, thống nhất, coi chính sách xã hội là bộ phận của phát triển bền vững.

Bốn là, năng lực cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, quá trình lãnh đạo và vận dụng các phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy từng bước được nâng lên.

Năm là, sự chủ động phối hợp, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên và sự hưởng ứng của các lực lượng xã hội, Nhân dân giúp nội dung, phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy phát huy hiệu quả, chuyển chủ trương thành hành động thực tiễn.

3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, sự thay đổi của thể chế, địa giới hành chính và mô hình tổ chức bộ máy làm gia tăng độ phức tạp của quá trình cụ thể hóa và tổ chức thực hiện CSXH.

Hai là, sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, dân cư, trình độ phát triển và nhu cầu xã hội giữa các địa bàn gây khó khăn trong xác định ưu tiên, phân bổ nguồn lực và cung ứng dịch vụ.

Ba là, việc nhận thức và xử lý mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội trong lãnh đạo của Tỉnh ủy có lúc chưa thật đầy đủ, hài hòa.

Bốn là, năng lực dự báo, chất lượng tham mưu, cơ chế phối hợp và công tác tổ chức, cán bộ có mặt chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chính sách xã hội.

Năm là, các điều kiện bảo đảm cho hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là hệ thống thông tin, dữ liệu, nguồn lực và cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả, có mặt chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

3.2.2. Những kinh nghiệm

Thứ nhất, luôn bám sát chủ trương, đường lối của Trung ương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo trong cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm, điều kiện và những vấn đề xã hội đặt ra ở từng địa bàn, nhóm dân cư của tỉnh Khánh Hòa.

Thứ hai, đặt lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong tổng thể lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn chặt tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

Thứ ba, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm; đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và vai trò chủ thể của Nhân dân trong thực hiện chính sách xã hội.

Thứ tư, vận dụng linh hoạt các phương thức lãnh đạo gắn với thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thực hiện chính sách xã hội.

Thứ năm, coi trọng kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực tiễn; gắn kết quả thực hiện chính sách xã hội với trách nhiệm của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, làm cơ sở kịp thời điều chỉnh nội dung và phương thức lãnh đạo.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đánh giá ưu điểm, hạn chế về nội dung, phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa. Kết quả thực hiện CSXH góp phần cải thiện đời sống Nhân dân, song còn hạn chế về mục tiêu, phối hợp, nguồn lực, cán bộ, dữ liệu và kiểm soát kết quả thụ hưởng. Chương phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan, rút ra năm kinh nghiệm làm cơ sở đề xuất phương hướng, giải pháp ở Chương 4.

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY KHÁNH HÒA ĐỐI VỚI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2035

4.1. DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY KHÁNH HÒA ĐỐI VỚI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

4.1.1. Dự báo các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội thời gian tới

4.1.1.1. Dự báo những yếu tố thuận lợi

Thứ nhất, sự hoàn thiện khuôn khổ chủ trương, chính sách của Trung ương và việc triển khai định hướng phát triển chiến lược của tỉnh sẽ tạo cơ sở chính trị, pháp lý thống nhất cho Tỉnh ủy Khánh Hòa xác định trọng tâm lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội.

Thứ hai, không gian phát triển mở rộng, các động lực tăng trưởng mới và khả

năng huy động nguồn lực kinh tế sẽ tạo thêm điều kiện vật chất để hiện thực hóa nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy.

Thứ ba, việc ổn định mô hình chính quyền địa phương hai cấp và kiện toàn hệ thống chính trị sau hợp nhất sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả các phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy.

Thứ tư, chuyển đổi số, liên thông dữ liệu và việc tăng cường tiếp nhận phản hồi từ cơ sở sẽ tạo điều kiện đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, dân chủ và sát thực tiễn.

Thứ năm, kết quả, kinh nghiệm lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội được tích lũy và sự đồng thuận xã hội sẽ tạo nền tảng thực tiễn để Tỉnh ủy nâng cao chất lượng lãnh đạo trong giai đoạn mới.

4.1.1.2. Dự báo những yếu tố khó khăn

Thứ nhất, sự bất ổn của tình hình thế giới, khu vực, trong nước và các rủi ro phi truyền thống sẽ làm gia tăng tính khó lường của các vấn đề xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, chuyển đổi công nghệ, chuyển dịch cơ cấu lao động và yêu cầu mới của thị trường việc làm sẽ làm gia tăng nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân lực nói chung, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trong khi một bộ phận người lao động hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ ba, đô thị hóa và quá trình triển khai các dự án động lực trên địa bàn tỉnh và sự gia tăng dân số cơ học sẽ tạo sức ép ngày càng lớn đối với nhà ở, sinh kế và hệ thống dịch vụ xã hội tại một số khu vực.

Thứ tư, khác biệt về thu nhập, điều kiện sống và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội giữa các địa bàn, nhóm dân cư là thách thức đối với mục tiêu phát triển toàn diện và bao trùm.

Thứ năm, già hóa dân số, biến động cơ cấu dân cư sẽ làm tăng áp lực đối với hệ thống y tế, trợ giúp xã hội và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội

Một là, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Tỉnh ủy trong cụ thể hóa chủ trương của Trung ương phù hợp với không gian phát triển, quy mô dân số và yêu cầu quản trị xã hội của tỉnh sau hợp nhất.

Hai là, định hướng nội dung lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội theo hướng toàn diện, bao trùm, đồng thời phù hợp với sự khác biệt giữa các địa bàn và nhóm dân cư.

Ba là, đặt lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong tổng thể lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, gắn với mục tiêu xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, cực tăng trưởng cao của cả nước, nơi Nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc.

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và vai trò chủ thể của Nhân dân; bảo đảm phối hợp đa ngành và huy động nguồn lực xã hội trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp.

Năm là, hướng trọng tâm lãnh đạo vào việc bảo đảm tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, năng lực tham mưu và năng lực thực thi chính sách xã hội ở cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Sáu là, đổi mới phương thức lãnh đạo dựa trên dữ liệu số và phản hồi từ thực tiễn; gắn kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết với việc điều chỉnh kịp thời nội dung lãnh đạo và trách nhiệm của các chủ thể.

4.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY KHÁNH HÒA ĐỐI VỚI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2035

4.2.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chính quyền, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, đối với thực hiện chính sách xã hội

Thống nhất nhận thức chính sách xã hội là bộ phận của chiến lược phát triển, vừa là mục tiêu, vừa là động lực; gắn với tăng trưởng, phát triển con người và ổn định xã hội. Thực hiện đúng quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ", không bao biện, làm thay nhưng không buông lỏng lãnh đạo.

Xác định trách nhiệm cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu gắn với kết quả, sự hài lòng của Nhân dân; duy trì tiếp xúc tại thôn, tổ dân phố, nhất là khu dân cư xa trung tâm; đề cao nêu gương, đạo đức công vụ và văn hóa phục vụ.

4.2.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy về thực hiện chính sách xã hội theo hướng trọng tâm, bao trùm và bền vững

Nâng cao chất lượng nghị quyết trên cơ sở bám sát chủ trương Trung ương, xác định đúng vấn đề, sử dụng dữ liệu và đánh giá tác động; lựa chọn trọng tâm, phân hóa mục tiêu theo địa bàn, nhóm dân cư và gắn với quy hoạch, đầu tư, đô thị hóa, công nghiệp, năng lượng, du lịch.

Bảo đảm nghị quyết có mục tiêu đo lường được, nguồn lực, tiến độ, trách nhiệm và khả năng thích ứng; hoàn thiện khảo sát, tham vấn, thẩm định, phản biện và rà soát văn bản sau hợp nhất.

4.2.3. Tăng cường lãnh đạo các cơ quan chính quyền thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách xã hội; hoàn thiện cơ chế phân cấp, phối hợp và huy động nguồn lực trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp

Lãnh đạo chính quyền chuyển nghị quyết thành chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể; phân định rõ thẩm quyền tỉnh - xã, xác định cơ quan chủ trì và bảo đảm nhân lực, kinh phí, dữ liệu, cơ sở vật chất đi cùng phân cấp.

Phân bổ nguồn lực theo đối tượng, mức thiếu hụt và kết quả; phối hợp với bộ, ban, ngành Trung ương tháo gỡ vướng mắc, đề xuất nguồn lực và với cơ quan ngành dọc trên địa bàn để thống nhất dữ liệu, giải quyết quyền lợi người dân.

4.2.4. Tập trung lãnh đạo giải quyết các "điểm nghẽn" xã hội, trọng tâm là việc làm, thu nhập, sinh kế bền vững cho người dân trước yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đô thị hóa

Gắn phát triển kinh tế với chuỗi dự báo nhân lực - đào tạo - tuyển dụng - tín dụng - sinh kế. Kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo theo nhu cầu Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh - Cam Lâm và phía Nam tỉnh; hỗ trợ phù hợp từng hộ, nhất là người bị thu hồi đất, tái định cư, hộ nghèo, đồng bào DTTS.

Đánh giá bằng việc làm, thu nhập, khả năng duy trì sinh kế, tiếp cận dịch vụ và nguy cơ tái nghèo; theo dõi sau hỗ trợ và có phương án can thiệp khi sinh kế chưa ổn định.

4.2.5. Đổi mới công tác tổ chức, công tác cán bộ và lãnh đạo hoàn thiện cơ chế phối hợp thực hiện chính sách xã hội trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Kiện toàn đầu mối thực hiện chính sách xã hội ở cơ sở phù hợp với nhiệm vụ và đặc điểm địa bàn; hoàn thiện cơ chế phối hợp đa ngành giữa cấp tỉnh và cấp xã, xác định rõ cơ quan chủ trì và đầu mối chịu trách nhiệm.

Bố trí, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ theo vị trí việc làm, khối lượng, kết quả và đặc thù địa bàn; hỗ trợ chuyên môn từ tỉnh cho xã; khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, gắn kiểm soát quyền lực.

4.2.6. Tăng cường tuyên truyền, đối thoại, tạo đồng thuận xã hội và lãnh đạo đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hiện chính sách xã hội

Tuyên truyền dễ hiểu, phù hợp từng nhóm, địa bàn; kết hợp kênh số với hướng dẫn trực tiếp. Đối thoại ngay từ chuẩn bị chính sách, dự án, tiếp nhận, giải trình, theo dõi và phản hồi kết quả xử lý kiến nghị của Nhân dân.

Chuẩn hóa, kết nối dữ liệu dân cư và CSXH, thống nhất đầu mối, cập nhật, phân quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Dùng dữ liệu và phản hồi để dự báo, giám sát, điều chỉnh chủ trương; tái sử dụng thông tin, giảm kê khai, hỗ trợ nhóm khó tiếp cận công nghệ.

4.2.7. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; theo dõi kết quả khắc phục hạn chế và nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn

Theo Quy định số 225-QĐ/TW, nâng cao trách nhiệm tự kiểm tra, tự giám sát; giám sát thường xuyên, ngay từ đầu và trên dữ liệu, theo mức độ rủi ro. Làm rõ trách nhiệm tổ chức đảng, đảng viên, người đứng đầu; phòng ngừa vi phạm, phát hiện và bảo vệ nhân tố tích cực.

Kết luận rõ trách nhiệm, thời hạn, kết quả khắc phục, theo dõi đến hoàn thành, gắn đánh giá cán bộ. Phối hợp kiểm tra của Đảng với giám sát HĐND, MTTQ, thanh tra, kiểm toán theo chức năng; tổng kết chuyên sâu, lấy ý kiến người thụ hưởng để điều chỉnh chủ trương, nhân rộng mô hình, kiến nghị Trung ương.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 dự báo các yếu tố thuận lợi, khó khăn; xác định sáu phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với thực hiện chính sách xã hội đến năm 2035, nhấn mạnh phát triển bao trùm, gắn kinh tế với xã hội, phát huy sức mạnh hệ thống chính trị, nâng cao năng lực cơ sở và đổi mới lãnh đạo dựa trên dữ liệu, phản hồi thực tiễn.

Trên cơ sở đó, chương đề xuất bảy nhóm giải pháp: nâng cao nhận thức và trách nhiệm; đổi mới xây dựng nghị quyết; tăng cường lãnh đạo chính quyền, phân cấp, phối hợp và huy động nguồn lực; giải quyết việc làm, thu nhập, sinh kế; đổi mới tổ chức, cán bộ; tăng cường tuyên truyền, đối thoại và chuyển đổi số; đổi mới kiểm tra, giám sát và tổng kết thực tiễn. Các giải pháp cần được thực hiện đồng bộ, lấy sự cải thiện đời sống và mức độ thụ hưởng của Nhân dân làm thước đo.

KẾT LUẬN

1. Chính sách xã hội có ý nghĩa trực tiếp đối với phát triển con người, tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển bền vững. Với Khánh Hòa, yêu cầu này càng cấp thiết do không gian phát triển mở rộng, kinh tế - lao động chuyển dịch, chênh lệch địa bàn và rủi ro xã hội gia tăng, cùng những yêu cầu mới của mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Vì vậy, tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với thực hiện chính sách xã hội có ý nghĩa chiến lược.

2. Luận án làm rõ các khái niệm CSXH, thực hiện CSXH và Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện CSXH; xác định nội dung, phương thức lãnh đạo, phân biệt với quản lý, điều hành của chính quyền. Sự lãnh đạo thể hiện từ xác định chủ trương, lãnh đạo cụ thể hóa, tổ chức thực hiện đến phối hợp, xây dựng bộ máy, cán bộ, kiểm tra, giám sát và tổng kết thực tiễn.

3. Thực tiễn cho thấy Tỉnh ủy đã lãnh đạo khá toàn diện, chú trọng địa bàn khó khăn và nhóm yếu thế, từng bước kiện toàn tổ chức, cán bộ, phối hợp và kiểm tra, giám sát, góp phần cải thiện nhiều chỉ tiêu xã hội và đời sống Nhân dân. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế về phân hóa chính sách, phối hợp, phân cấp, nguồn lực, dữ liệu, năng lực cơ sở và gắn kiểm tra, giám sát với kết quả thụ hưởng. Luận án đã làm rõ nguyên nhân và rút ra các kinh nghiệm chủ yếu.

4. Trên cơ sở dự báo tình hình đến năm 2035, luận án xác định sáu phương hướng và đề xuất bảy nhóm giải pháp. Trọng tâm là nâng cao nhận thức, trách nhiệm; nâng cao chất lượng nghị quyết; tăng cường lãnh đạo chính quyền, phân cấp, phối hợp và nguồn lực; giải quyết việc làm, thu nhập, sinh kế; đổi mới tổ chức, cán bộ; tăng cường tuyên truyền, đối thoại, chuyển đổi số; đổi mới kiểm tra, giám sát và tổng kết thực tiễn. Việc thực hiện phải đồng bộ, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả và lấy sự cải thiện đời sống Nhân dân làm thước đo.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lưu Hồng Vân (2020), *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số nghèo khu vực miền núi tỉnh Khánh Hòa*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 4 (503), tháng 4/2020.

2. Lưu Hồng Vân (2024) *Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.* Tạp chí Chính trị và Phát triển (bản điện tử), tháng 3/2024.

3. Lưu Hồng Vân (2024), *Bảo đảm an sinh xã hội bền vững hướng đến xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố đáng sống.* Bài tham luận trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Bộ "Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030".

4. Lưu Hồng Vân (2026), *Đổi mới sự lãnh đạo của cấp ủy cấp xã đối với thực hiện chính sách xã hội trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp - từ thực tiễn tỉnh Khánh Hòa.* Tạp chí Thanh niên, số 107, tháng 8/2026.

5. Lưu Hồng Vân (2026), *Tỉnh ủy Khánh Hòa tăng cường lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong bối cảnh mới.* Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, đăng ngày 18/8/2026.

6. Lưu Hồng Vân (2026), *Tỉnh ủy Khánh Hòa đổi mới tư duy lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới.* Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, đăng ngày 27/8/2026.

7. Lưu Hồng Vân (2026), *Tỉnh ủy Khánh Hòa lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội hướng tới thành phố trực thuộc Trung ương.* Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông điện tử, đăng ngày 10/9/2026.

8. Lưu Hồng Vân (2026), *Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa đối với thực hiện chính sách xã hội trong bối cảnh mới.* Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động, số tháng 9/2026.